

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-8-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lã Anh Tuấn

Ông Nguyễn Công Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lương Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Y, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Tổ Q 1, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà 12/39 đường L, tổ Q 1, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21 tháng 6 năm 2024, bản tự khai ngày 25 tháng 6 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Y trình bày:

Bà và ông Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 21/6/1996. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống; ông T thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi bới, đập phá đồ đạc trong gia đình. Điều đó đã khiến cho cuộc sống hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, bà đã ra ngoài thuê nhà ở riêng tại phường T, quận K, thành phố Hải Phòng và sống ly thân với ông T. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Đặng Văn T có 02 con chung là Đặng Thế A, sinh ngày 01/6/1996 đã có gia đình riêng và Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2004 hiện đã thành niên và có khả năng lao động (đang du học tại Đức) nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26 tháng 7 năm 2024, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Đặng Văn T trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 21/6/1996. Quá trình chung sống, vợ chồng cơ bản là hòa thuận, hạnh phúc; ông thừa nhận thỉnh thoảng cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Vì thế từ tháng 6/2024 đến nay bà Y đã bỏ nhà ra ngoài ở riêng. Ông đã nhiều lần gọi điện thoại khuyên bà Y về nhà, nhưng bà Y không nghe. Nay bà Y yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng.

Về con chung: Ông và bà Y có 02 con chung là Đặng Thế A, sinh ngày 01/6/1996 và Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2004 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại tổ dân phố nơi bà Đoàn Thị Y và ông Đặng Văn T sinh sống: Quá trình chung sống tại địa phương, bà Y và ông T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không bộc lộ ra bên ngoài. Hiện hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của

nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Y được ly hôn ông Đặng Văn T.

- Về con chung: Bà Y và ông T có 02 con chung là Đặng Thế A, sinh ngày 01/6/1996 và Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2004 hiện đã thành niên và có khả năng lao động, bà Y không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thị Y không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Bà Đoàn Thị Y không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà Đoàn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Đặng Văn T, cư trú tại: Số nhà 12/39 đường L, tổ Q 1, phường P, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa, ông Đặng Văn T vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Y và ông Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận K, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 042/1996, ngày 21 tháng 6 năm 1996 nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của bà Y, ông T và trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cho thấy cuộc sống hôn nhân của

ông bà có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và lối sống. Vì thế đã khiến cho hôn nhân của hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Mặc dù ông T không muốn ly hôn, nhưng cũng không đưa ra được các giải pháp để thuyết phục bà Y rút đơn về đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy, tình cảm vợ chồng phải được xây dựng từ hai phía thì mới có thể gắn bó với nhau được lâu dài, quan hệ hôn nhân mới thực sự tồn tại. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc xin ly hôn với ông T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Bà Đoàn Thị Y và ông Đặng Văn T có 02 con chung là Đặng Thế A, sinh ngày 01/6/1996 và Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2004 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động, bà Y không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Bà Đoàn Thị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đoàn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Y.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Y được ly hôn ông Đặng Văn T.
2. Về nuôi con chung: Bà Đoàn Thị Y và ông Đặng Văn T có 02 con chung là Đặng Thế A, sinh ngày 01/6/1996 và Đặng Thị Thanh H, sinh ngày 26/6/2004 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động, bà Y không có yêu cầu gì nên không phải giải quyết.
3. Về chia tài sản: Bà Đoàn Thị Y không yêu cầu nên không phải giải quyết.
4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Y đã

nộp theo biên lai số 0004865 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Bà Y đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền T thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- UBND phường P;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

